

Số: /KH-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh năm 2021

Căn cứ Công văn số 855/LĐTBOXH-TE&BDG ngày 16/3/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn triển khai công tác trẻ em và bình đẳng giới năm 2021, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh năm 2021, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để trẻ em có cơ hội phát triển một cách toàn diện về mọi mặt, đảm bảo các quyền của trẻ em theo Công ước của Liên hiệp quốc và Luật trẻ em.

- Kiểm soát và giảm thiểu tình hình tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt là phòng chống xâm hại và tai nạn đuối nước. Huy động nguồn lực để triển khai đồng bộ các hoạt động về bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong ngành Giáo dục.

- Tiếp tục xây dựng môi trường an toàn, thân thiện và chủ động phòng ngừa, loại bỏ các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em; giảm thiểu tình trạng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc kịp thời, thường xuyên để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển.

2. Yêu cầu

- Các cơ sở giáo dục tổ chức tuyên truyền phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em; tuyên truyền cung cấp các kiến thức về chăm sóc, bảo vệ trẻ em, phòng tránh lây nhiễm dịch bệnh cho trẻ em trong trường học, tại gia đình và cộng đồng; phòng tránh việc xảy ra tai nạn thương tích, đuối nước, phòng ngừa trẻ em bị rơi, ngã ở các khu chung cư, nhà cao tầng.

- Các cơ sở giáo dục tổ chức tốt các hoạt động khuyến học, khuyến tài, hỗ trợ, tạo điều kiện học tập cho trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em khuyết tật, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Các cơ sở giáo dục phối hợp với các ngành chức năng của địa phương thực hiện các biện pháp duy trì tỉ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp và nâng cao chất lượng chăm sóc.

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Phần đầu 100% các cơ sở giáo dục tổ chức tuyên truyền phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em, góp phần giảm số vụ trẻ em bị xâm hại, bạo lực, xâm hại tình dục.

2. Phần đầu 100% các cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động truyền thông cung cấp các kiến thức về chăm sóc, bảo vệ trẻ em, phòng tránh lây nhiễm dịch bệnh cho trẻ em trong trường học, tại gia đình và cộng đồng; phòng tránh việc xảy ra tai nạn thương tích, phòng ngừa trẻ em bị rơi, ngã ở các khu chung cư, nhà cao tầng và phòng ngừa xâm hại trẻ em.

3. Phần đầu 100% các cơ sở giáo dục tổ chức tốt các hoạt động khuyến học, khuyến tài, hỗ trợ, tạo điều kiện học tập cho trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em khuyết tật, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

4. 100% trường hợp trẻ em bị xâm hại tình dục phát hiện được hỗ trợ, tạo điều kiện học tập; phối hợp với các ngành chức năng kịp thời xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm thuộc quản lý của ngành Giáo dục.

5. Các cơ sở giáo dục phối hợp với các ngành chức năng của địa phương rà soát đảm bảo đạt tỷ lệ 100% trẻ em đang đi học dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế và khám, chữa bệnh miễn phí theo quy định.

6. Các cơ sở giáo dục phối hợp với các ngành chức năng của địa phương thực hiện các biện pháp duy trì và nâng cao chất lượng 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, trợ giúp.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các văn bản của Tỉnh, của Ngành về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em¹.

- **Văn bản của Tỉnh:** (1) Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 20/02/2013 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 05/12/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; (2) Nghị quyết số 309/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ một số đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; (3) Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 14/10/2019 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện công tác phòng, chống xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; (4) Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 14/3/2019 về việc triển khai Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2019-2025; (5) Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 17/9/2019 của UBND tỉnh về triển khai Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã vùng khó khăn giai đoạn 2019-2025; (6) Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh Thực hiện Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2020-2025; (7) Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về thực hiện công tác phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2021-2025 và tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về phòng chống xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; (8) Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- **Văn bản của Ngành:** (1) Công văn số 126/SGDĐT-CTTT ngày 16/01/2018 về tiếp tục tăng cường các giải pháp bảo vệ trẻ em, phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em; (2) Kế hoạch số 2379/KH-SGDĐT ngày 13/9/2018 về việc triển khai chương trình hành động phòng, chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2021; (3) Công văn số 3134/SGDĐT-CTTT ngày 18/11/2020 của Sở GDĐT về việc tiếp tục triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích và đảm bảo an toàn cho học sinh; (4) Kế hoạch 3662/KH-

- Tiếp tục phối hợp tham mưu, xây dựng và triển khai các Chương trình, Kế hoạch, văn bản liên quan đến bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em trên địa bàn, chú trọng đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và năng lực cho trẻ em trong việc thực hiện quyền của trẻ em; giảm thiểu tình trạng trẻ em bị tai nạn thương tích (đặc biệt là tai nạn giao thông và đuối nước), trẻ em bị xâm hại.

- Quan tâm đầu tư nguồn lực, thực hiện đúng, đủ các chế độ, chính sách cho trẻ em theo qui định.

2. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục về pháp luật, chính sách, kiến thức bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em

- Đối tượng tuyên truyền: cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động, học sinh, trong các cơ sở giáo dục, cha mẹ/người nuôi dưỡng trẻ.

- Hình thức tuyên truyền: thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn, họp Ban đại diện cha mẹ học sinh, phát thanh măng non, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt ngoại khóa, diễn đàn trẻ em, hội thi, ... tại các trường học; tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng; các ấn phẩm truyền thông, tài liệu tuyên truyền...

- Nội dung tuyên truyền

+ Cung cấp kiến thức và vận động cha mẹ, người chăm sóc trẻ quan tâm chăm sóc, bảo vệ trẻ em, phòng tránh lây nhiễm dịch bệnh cho trẻ em trong trường học, tại gia đình và cộng đồng đặc biệt phòng tránh việc xảy ra tai nạn thương tích, phòng ngừa trẻ em bị rơi, ngã ở các khu chung cư, nhà cao tầng, phòng ngừa xâm hại trẻ em.

+ Các quy định của Luật trẻ em, Nghị định 56/2017/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật trẻ em; quy trình chăm sóc thay thế cho trẻ em; các chính sách trợ giúp của Trung ương, của Tỉnh dành cho trẻ em.

+ Quảng bá về các dịch vụ trợ giúp trẻ em (Văn phòng công tác xã hội), tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (111), đường dây tư vấn miễn phí của Tỉnh (18001769) để mọi người dân và trẻ em thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em và liên hệ khi có nhu cầu cần được tư vấn, hỗ trợ.

+ Những sáng kiến hay, cá nhân, tập thể tiêu biểu đóng góp tích cực cho công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

SGDDT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT về Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng, giao đoạn 2021-2025 và Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030; (5) Kế hoạch số 372/KH-SGDĐT ngày 09/02/2021 của Sở GDĐT về Kế hoạch triển khai công tác giáo dục an toàn giao thông trong trường học năm 2021 và năm học 2021-2022; (6) Kế hoạch số 597/KH-SGDĐT ngày 10/3/2021 của Sở GDĐT về Kế hoạch triển khai công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội năm 2021; (7) Kế hoạch số 743/KH-SGDĐT ngày 22/3/2021 của Sở GDĐT về Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; tuyên truyền, phòng ngừa về tội phạm ma túy, tác hại của tệ nạn ma túy và phòng chống tệ nạn xã hội trong ngành Giáo dục giai đoạn 2021-2025; (8) Các văn bản về thực hiện chính sách đối với trẻ em ...

3. Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên làm công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em

- Quan tâm kiện toàn, rà soát, bố trí cán bộ, giáo viên, nhân viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại các cơ sở giáo dục.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động trong các cơ sở giáo dục trong công tác giáo dục, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo, quản lý và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, việc phối hợp liên ngành trong phát hiện, can thiệp, xử lý đối với hành vi xâm hại, bạo lực trẻ em, trợ giúp kịp thời đối với trường hợp khẩn cấp.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động làm công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em nhất là cán bộ, giáo viên, nhân viên mới.

4. Tổ chức tốt các hoạt động vì trẻ em do địa phương quản lý

- Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em, tết Thiếu nhi, tết Trung thu năm 2021 với chủ đề “Chung tay bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh”. Tăng cường truyền thông, thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó để bảo vệ trẻ em kịp thời trong bối cảnh Covid -19.

- Phối hợp chặt chẽ thực hiện việc bàn giao, quản lý trẻ em trong dịp hè để bảo đảm mùa hè an toàn cho trẻ em, giảm thiểu trẻ em bị tai nạn thương tích, đặc biệt là tai nạn đuối nước và hạn chế tối đa tình trạng trẻ em bị bạo lực, xâm hại.

- Vận động xã hội quan tâm chăm lo cho trẻ em, ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, vùng biên giới, miền núi, hải đảo và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Thực hiện và nhân rộng phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em” gắn với cuộc vận động “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn dân cư.

5. Duy trì và phát triển các mô hình, dịch vụ, hoạt động trợ giúp, bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em

- Duy trì, phát triển, nhân rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình, dịch vụ: Nâng cao nhận thức của học sinh về nạn ấu dâm; Nhận biết và phòng tránh tệ nạn ma túy cho học sinh; Lớp bơi miễn phí cho trẻ em; Hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ tại cộng đồng; Đội tuyên truyền viên măng non; Câu lạc bộ thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em; Hội đồng trẻ em; Nhóm cha mẹ chăm sóc giáo dục nuôi dạy phát triển toàn diện; Kết nối dịch vụ chăm sóc và phát triển toàn diện trẻ em tại cộng đồng dựa trên đánh giá nhu cầu của trẻ; Tư vấn, giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại cơ sở bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Kết nối với Trung tâm công tác xã hội, các dịch vụ công tác xã hội, bảo trợ xã hội, y tế, trợ giúp pháp lý... nhằm đáp ứng việc bảo vệ trẻ em ở cả ba cấp độ (cấp độ phòng ngừa; cấp độ hỗ trợ; cấp độ can thiệp). Bảo đảm việc tiếp

nhận, xử lý kịp thời thông tin, thông báo, tố giác về bạo lực, xâm hại trẻ em. Phối hợp, xử lý thông tin kịp thời trong việc xác minh, hỗ trợ, can thiệp các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp có hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em, vi phạm quyền trẻ em và người thực hiện không đầy đủ trách nhiệm bảo vệ trẻ em tại các cơ sở giáo dục.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em

- Tăng cường kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Luật trẻ em, các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, mục tiêu vì trẻ em, các chính sách, quy định của Trung ương, của tỉnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong các trường học. Thường xuyên quan tâm theo dõi, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nhất là tình hình chăm sóc trẻ em ở các nhà trẻ, mẫu giáo, các trường bán trú, nội trú.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện văn hóa ứng xử học đường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường và các hoạt động giáo dục phù hợp với lứa tuổi cho học sinh tại các trường học.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

1.1. Giao Văn phòng Sở:

- Là đầu mối tham mưu, hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ngành Giáo dục theo qui định.

- Chủ trì tham mưu các hoạt động cho Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Công an Tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan trong việc phối hợp triển khai công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

1.2. Các đơn vị thuộc Sở, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em với những nội dung, hình thức phù hợp với mỗi cấp học.

2. Các phòng Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng Kế hoạch và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại địa phương.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Phối hợp cùng các ngành chức năng hướng dẫn cho cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên, nhân viên trong việc phát hiện, hỗ trợ trẻ em bị xâm hại, bạo lực.

3. Chế độ thông tin báo cáo

- Các Phòng Giáo dục và Đào tạo gửi báo cáo định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/5), báo cáo năm (trước ngày 10/11) về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua

Văn phòng Sở) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (theo đề cương và phụ lục đính kèm).

- Đối với những vấn đề, vụ việc đột xuất có liên quan đến bảo vệ, chăm sóc trẻ em, nhất là trẻ em bị xâm hại, bạo lực, tai nạn thương tích, bị bỏ rơi cần báo cáo nhanh cho các cơ quan chức năng địa phương và Sở Giáo dục và Đào tạo để xin ý kiến chỉ đạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh;
- Sở LĐ-TB và XH;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Phòng GDĐT huyện, TX, TP;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Châu Hoài Thu

PHỤ LỤC 1
MẪU BÁO CÁO

Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em 6 tháng/năm 2021
(Kèm theo Kế hoạch số /SGDDT-VP ngày /3/2021 của Sở GDĐT)

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

1.1. Nêu các văn bản của Phòng GDĐT tham mưu cho UBND huyện (TX,TP), các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đến công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

1.2. Công tác quản lý

1.3. Công tác kiểm tra

2. Kết quả triển khai thực hiện (có phụ lục kèm theo)

2.1. Công tác tập huấn, tuyên truyền

2.2. Các mô hình hoạt động chăm sóc, trợ giúp trẻ em

2.3. Công tác xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích; dạy bơi phòng, chống đuối nước cho trẻ em; phòng chống xâm hại và bạo lực học đường; giáo dục kỹ năng sống; giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, trẻ tự kỷ; mô hình tư vấn học đường; y tế học đường....

2.4. Việc giải quyết chính sách cho trẻ em (chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa...), chính sách chăm sóc sức khỏe (cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí; khám, chữa bệnh; dạy nghề... cho trẻ em); chính sách trợ giúp xã hội khác.

2.5. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả đạt được

3.2. Tồn tại, hạn chế

3.3. Nguyên nhân

4. Kiến nghị, đề xuất

5. Dự kiến hoạt động năm 2022

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ CÔNG TÁC BẢO VỆ, CHĂM SÓC TRẺ EM
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày /3/2021 của Sở GDĐT)

TT	Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2021	Năm 2021	KH năm 2022	Ghi chú
1	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non	%				Báo cáo năm
2	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non	%				Báo cáo năm
3	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học	%				Báo cáo năm
4	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi ở bậc THCS	%				Báo cáo năm
5	Tỷ lệ huy động trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	%				Báo cáo năm
6	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6	%				Báo cáo năm
7	Trường học đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, trong đó:	Trường				Báo cáo năm
	- Cấp mầm non					Báo cáo năm
	- Cấp tiểu học					Báo cáo năm
	- Cấp THCS					Báo cáo năm
8	Tỷ lệ các quyết định có liên quan đến trẻ em trong nhà trường được tham vấn ý kiến trẻ em	%				6 tháng, năm
9	Số trẻ em được tham gia diễn đàn trẻ em các cấp	Trẻ				6 tháng, năm
10	Số sản phẩm được phổ biến qua các kênh truyền thông đại chúng (phóng sự/video clip/ thông điệp, bài viết phát thanh, chuyên trang chuyên mục báo in, báo mạng)	Sản phẩm				6 tháng, năm
11	Số sự kiện truyền thông (hội thi, hội trại, cuộc thi) dành cho trẻ em được các cơ sở giáo dục tổ chức	Cuộc				6 tháng, năm
	- Trong đó: Số trẻ em tham gia					
12	Tập huấn nâng cao năng lực về thực hiện quyền tham gia của trẻ em					6 tháng, năm
	- Số buổi tập huấn	Buổi				
	- Số giáo viên được tập huấn nâng cao năng lực về thực hiện quyền tham gia của trẻ em	Người				
	- Số trẻ em được tập huấn nâng cao năng lực thực hiện quyền tham gia của trẻ em	Trẻ				6 tháng, năm

13	Tuyên truyền phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em					6 tháng, năm
	- Số buổi tuyên truyền					
	- Số cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia					
	- Số trẻ em tham gia					
14	Số lượng chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện tại nhà trường và cộng đồng	Chương trình				6 tháng, năm
	- Số trẻ em tham gia	Trẻ				
15	Tỷ lệ trẻ em tiểu học, trung học cơ sở biết các quy định về an toàn giao thông	%				Báo cáo năm
16	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học và trung học cơ sở biết kỹ năng an toàn trong môi trường nước/biết bơi	%				6 tháng, năm
	- Số trường học có bể bơi	Trường				
	- Số lớp dạy bơi trong trường học	Lớp				
	- Số trẻ em được dạy bơi trong trường học	Trẻ				
17	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên trong các cơ sở giáo dục được tập huấn/trang bị kiến thức, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước trẻ em, phòng ngừa trẻ em bị rơi, ngã ở các khu chung cư, nhà cao tầng	%				6 tháng, năm
18	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên trong các cơ sở giáo dục được tập huấn/trang bị kiến thức, kỹ năng phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em	%				6 tháng, năm
19	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên trong các cơ sở giáo dục được tập huấn/trang bị kiến thức, kỹ năng về chăm sóc, bảo vệ trẻ em, phòng tránh lây nhiễm dịch bệnh cho trẻ em trong trường học, tại gia đình và cộng đồng	%				6 tháng, năm
20	Số trẻ khuyết tật, tự kỷ học hòa nhập, trong đó:	Trẻ				Báo cáo năm
	- Số trẻ khuyết tật học hòa nhập	Trẻ				
	- Số trẻ tự kỷ học hòa nhập	Trẻ				
	- Số trẻ khuyết tật, tự kỷ học mô hình phòng hỗ trợ đặc biệt	Trẻ				
21	Số trẻ em được hỗ trợ chính sách giáo dục Trong đó:	Trẻ				6 tháng, năm
21.1	Số trẻ em được miễn, giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	Trẻ				
21.2	Số trẻ em được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	Trẻ				

21.3	Số trẻ em được miễn học phí theo Nghị quyết 222/2015/NQ-HĐND và NQ 91/2017/NQ-HĐND	Trẻ				
21.4	Số trẻ em được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 222/2015/NQ-HĐND, NQ 91/2017/NQ-HĐND.	Trẻ				6 tháng, năm
	Trong đó:					
	- Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	Trẻ				
	- Trẻ em khuyết tật	Trẻ				
	- Trẻ em thuộc hộ nghèo	Trẻ				
	- Trẻ em thuộc hộ cận nghèo	Trẻ				
	- Trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	Trẻ				
	- Trẻ em tự kỷ đang theo học tại các cơ sở giáo dục	Trẻ				
	...					
21.5	Số trẻ em được hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và tiền gạo theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	Trẻ				6 tháng, năm
21.6	Số trẻ em tiểu học được hỗ trợ tiền ăn theo chính sách của tỉnh	Trẻ				6 tháng, năm
22	Số trẻ em bỏ học cấp tiểu học, THCS	Trẻ				Báo cáo năm
	Trong đó:					
	- Bỏ học cấp tiểu học	Trẻ				
	- Bỏ học cấp THCS	Trẻ				
23	Tỉ lệ trẻ em dưới 6 tuổi tại các cơ sở giáo dục được cấp thẻ bảo hiểm y tế					6 tháng, năm
24	Tỷ lệ trường học tạo điều kiện cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được đi học theo nhu cầu					Báo cáo năm
25	Số cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS có y tế học đường	Cơ sở				Báo cáo năm
26	Kinh phí đầu tư cho ngành trong việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giáo dục cấp mầm non, tiểu học, THCS và các mô hình, hoạt động BVCSTE	Triệu đồng				Báo cáo năm
	Trong đó: - Ngân sách:					
	+ Trung ương					
	+ Địa phương					
	- Vận động và nguồn khác					

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị